
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.88	0.04	0.15	0.00	3Y	0.84	0.058
1W	2.82	0.04	0.20	0.00	5Y	0.99	0.035
2W	2.65	0.05	0.25	0.01	7Y	1.41	0.009
1M	2.65	0.03	0.33	0.01	10Y	2.16	-0.010
2M	2.55	0.03	0.41	0.03	15Y	2.49	-0.014
3M	2.57	0.03	0.52	0.03			
6M	2.70	0.02	0.80	0.04			
9M	2.82	0.04	1.16	0.03			
1Y	3.15	0.10	1.22	0.01			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
16-02-22	1	14	2.50	10,000	1,878.00	478.99	1,399.01	17,163.77
15-02-22	1	14	2.50	10,000	-	209.90	- 209.90	15,764.76
14-02-22	1	14	2.50	10,000	520.00	-	520.00	15,974.66

Thị trường TPCP sơ cấp

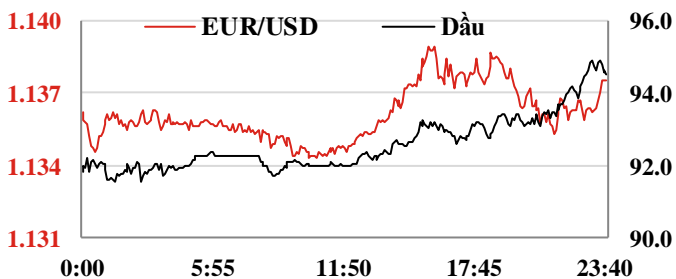
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	16-Feb-22	10	3000	1509	2.12%	0.04%
MOF	16-Feb-22	15	2000	1500	2.42%	0.05%
MOF	16-Feb-22	30	2000	1510	2.98%	0.02%
Tổng			7000	4519		

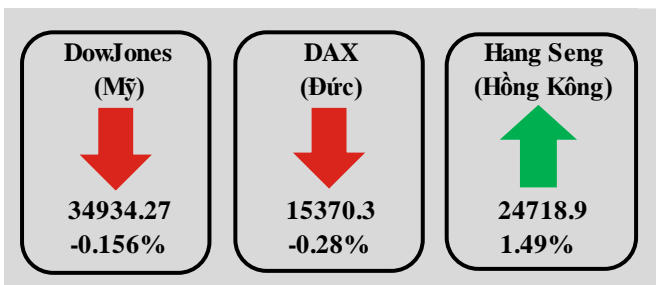
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1492.10	429.12	111.80
%/ngày	-0.04%	1.25%	0.52%
%/31/12/2021	-0.41%	-9.5%	-0.8%
KLGD (tr.d.vị)	702.52	72.43	60.2
GTGD (tỷ đ)	20046.15	2081.17	1295.20
NĐINN mua (tỷ đ)	1697.75	9.80	0.59
NĐINN bán (tỷ đ)	1707.09	23.22	1.26

Tin trong nước ngày 16/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 16/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.119 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.750 VND/USD, tiếp tục tăng mạnh 30 đồng so với phiên 15/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 30 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 30 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.530 VND/USD và 23.550 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 16/02, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,03 – 0,05 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,88; 1W 2,82%; 2W 2,65 và 1M 2,65%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở các kỳ hạn ON và 1W trong khi tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn dài hơn; giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,25%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm ở các kỳ hạn 10Y và 15Y, cụ thể: 3Y 0,84%; 5Y 0,99%; 7Y 1,41%; 10Y 2,16%; 15Y 2,49%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 1.878 tỷ đồng trúng thầu. Trong ngày có 478,99 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, hôm qua, NHNN bơm ròng 1.399,01 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng lên mức 17.163,77 tỷ đồng.
- Thị trường TPCP:** Ngày 16/2, KBNN huy động thành công 4.519/7.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 65%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được 1.509/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm 1.500/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm 1.510/2.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu lần lượt tại 10 năm 2,12%/năm (+0,04%); 15 năm 2,42%/năm (+0,05%); 30 năm 2,98%/năm (+0,02%).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, các cổ phiếu lớn tăng điểm tích cực giúp thị trường vực lại được 2/3 thiệt hại của phiên đầu tuần. Chốt phiên, VN-Index chỉ giảm nhẹ 0,65 điểm xuống 1.492,10 điểm (-0,04%); HNX-Index tăng 5,28 điểm (+1,25%) đạt 429,12 điểm; UPCoM-Index tăng 0,58 điểm (+0,52%) lên 111,80 điểm. Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp với tổng giá trị giao dịch đạt trên 23.400 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng nhẹ hơn 23 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Ngân hàng Quốc tế HSBC đưa ra dự báo về các chỉ tiêu kinh tế của Việt Nam năm 2022,** nâng nhẹ mức dự báo lạm phát bình quân 2022 của Việt Nam từ 2,7% lên 3%. Tuy nhiên, theo HSBC, mức này cũng không cho thấy một rủi ro đáng kể cho NHNN vì vẫn còn thấp hơn mức lạm phát mục tiêu 4% của Chính phủ. Do đó, trong khi tình hình lạm phát ở nhiều nước ASEAN như Thái Lan và Singapore bắt đầu thu hút sự quan tâm của nhiều người, lạm phát nhiều khả năng không phải mối lo lớn với Việt Nam năm nay.



	16 Feb 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	95.70	-0.30%	0.22%	-0.28%
USD/CNY	6.33	-0.08%	-0.45%	-0.30%
USD/EUR	0.88	-0.15%	0.43%	-0.04%
USD/JPY	115.46	-0.14%	-0.03%	0.33%
USD/KRW	1196.53	-0.02%	0.21%	0.72%
USD/SGD	1.34	-0.07%	0.15%	-0.41%
USD/TWD	27.83	-0.06%	0.16%	0.41%
USD/THB	32.25	-0.31%	-1.38%	-2.95%
USD/VND Trung tâm	23119	0.01%	0.06%	-0.11%
USD/VND LNH	22750	0.13%	0.24%	-0.18%
USD/VND tự do	23530	0.13%	-0.08%	0.34%
Vàng	1868.37	0.83%	1.96%	2.19%
Dầu	93.66	1.73%	4.46%	24.53%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0737	-0.0004				
1M	0.1367	0.0170	0.3000	0.0000	0.0483	0.0000
3M	0.4881	0.0194	0.4375	0.0000	0.0493	0.0000
6M	0.7871	-0.0056	0.5925	0.0000	0.0493	0.0000
1Y	1.3299	-0.0129				

Số liệu SIBOR ngày 15/02/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	15/03/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	10/03/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	17/03/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/03/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

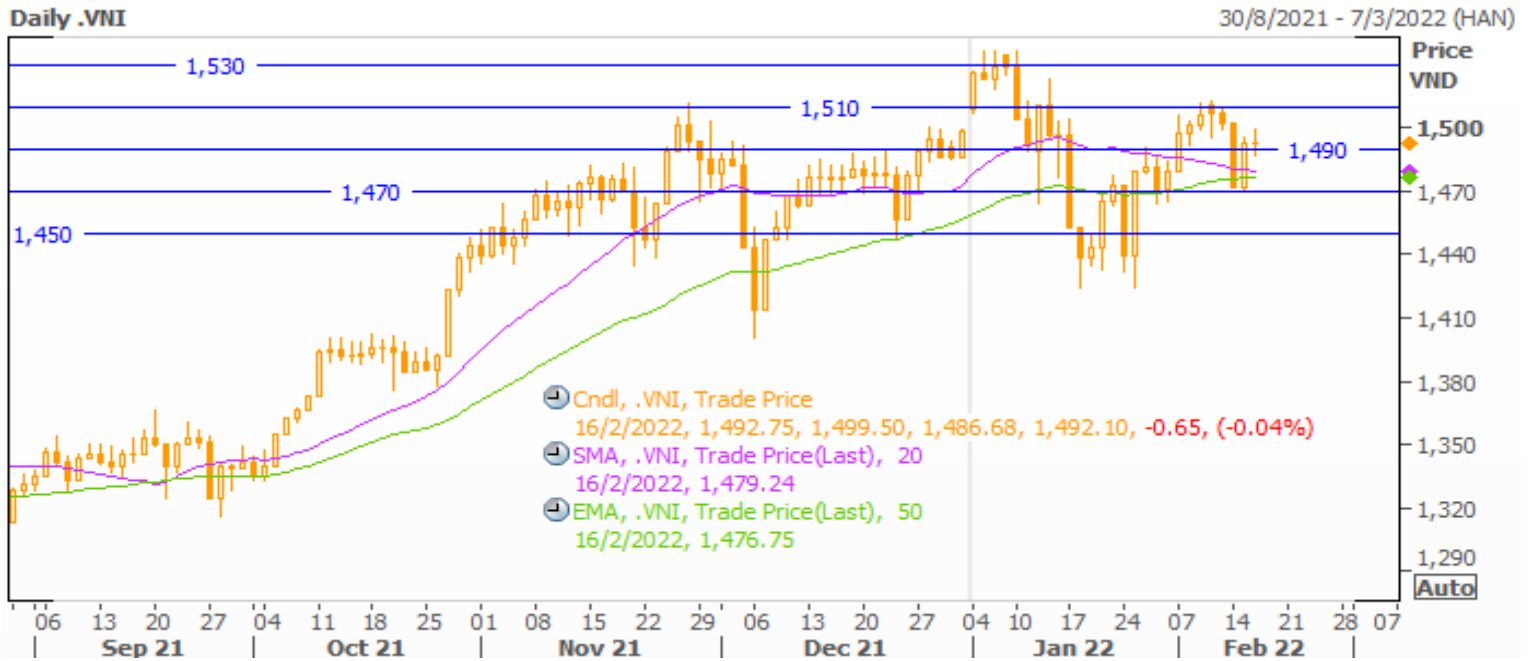
Tin quốc tế

- Biên bản cuộc họp đầu năm cho thấy Fed kỳ vọng sớm tăng LSCS.** Trong biên bản cuộc họp tháng 01 công bố vào sáng sớm nay 17/02, FOMC (Ủy ban Thị trường mở Liên bang, thuộc Fed) cho biết cơ quan này hướng đến mục tiêu toàn dụng nhân công và lạm phát ở mức 2,0% trong trung hạn. Theo đó, FOMC quyết định giữ LSCS ở mức 0% - 0,25%. Tuy nhiên, với việc lạm phát đang ở trên mức 2,0% và thị trường lao động mạnh mẽ, FOMC kỳ vọng sẽ sớm tới thời điểm thích hợp để bắt đầu tăng LSCS. Bên cạnh đó, FOMC quyết định tiếp tục giảm quy mô mua tài sản từng tháng, và sẽ chấm dứt hoạt động này vào đầu tháng 03/2022. Fed khẳng định lượng lớn tài sản mà cơ quan này mua và nắm giữ nhằm đảm bảo thị trường tài chính hoạt động một cách trơn tru, hỗ trợ cho dòng chảy tín dụng tới các hộ gia đình và các doanh nghiệp.
- Lĩnh vực bán lẻ tại Mỹ đón nhận thông tin tích cực.** Cụ thể, doanh số bán lẻ lõi và doanh số bán lẻ toàn phần tại Mỹ lần lượt tăng 3,3% và 3,8% m/m trong tháng 01/2022 sau khi giảm 2,3% và 1,9% ở tháng trước đó, cùng vượt qua mức tăng 1,0% và 2,1% theo kỳ vọng. So với cùng kỳ năm 2021, doanh số bán lẻ toàn phần của nước này tăng tới 13,0% trong tháng đầu năm. Theo khảo sát của công ty tài chính PNC, mặc dù người tiêu dùng đang lo lắng về lạm phát nhưng vẫn cho thấy xu hướng chi tiêu nhiều hơn. Đặc biệt, tình hình dịch bệnh cũng đã thúc đẩy doanh số bán lẻ online tăng tới 14,5% m/m trong tháng vừa qua. Một số chuyên gia lo ngại việc doanh số bán lẻ tăng vọt cũng có thể tạo thêm áp lực về lạm phát trong ngắn hạn.
- Lạm phát tại nước Anh tiếp tục tạo áp lực cho NHTW nước này (BOE).** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS cho biết CPI toàn phần và CPI lõi trong tháng 01/2022 lần lượt tăng 5,5% và 4,4% y/y, cùng cao hơn mức 5,4% và 4,2% của tháng trước đó và đồng thời cũng cao hơn mức 5,4% và 4,3% theo dự báo. Trong bối cảnh mặt bằng giá tiếp tục leo thang, BOE đã có đợt tăng LSCS từ 0,1% lên 0,25% vào giữa tháng 12/2021. Tuy nhiên, thị trường nhận định mức tăng này là quá nhỏ để có thể kìm hãm đà tăng ngày càng lớn của CPI. Nhiều ý kiến cho rằng BOE sẽ tiếp tục phải nâng LSCS trong cuộc họp diễn ra ngày 17/03 sắp tới, lên mức 0,5% để kiểm soát tình hình. Hiện tại, thị trường lao động Anh đang ở trạng thái khá tích cực, cũng là một điểm lợi thế giúp BOE sớm tăng LSCS.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
16 - 02	14:00	***	CPI Anh nm T1	5.5	5.4	5.4
16 - 02	14:00	*	CPI lõi Anh nm T1	4.4	4.3	4.2
16 - 02	17:00	*	Sản lượng công nghiệp Eurozone nm T12	1.2	0.4	2.3
16 - 02	20:30	***	Doanh số bán lẻ lõi Mỹ nm T1	3.3	1.0	-2.3
16 - 02	20:30	***	Doanh số bán lẻ toàn phần Mỹ nm T1	3.8	2.1	-1.9
17 - 02	02:00	**	Doanh số bán lẻ Anh nm T1		1.1	-3.7
17 - 02	7:30	***	Số việc làm thay đổi tại Úc T1		0K	64.8K
17 - 02	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp tại Úc T1		4.2	4.2
17 - 02	20:30	*	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ w/e		217K	223K
17 - 02	20:30	*	Số cấp phép xây dựng tại Mỹ T1		1.74M	1.89M
17 - 02	20:30	*	Số nhà khởi công tại Mỹ T1		1.70M	1.70M

VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1492,10 điểm. Thị trường đang có xu hướng rơi vào vùng tích lũy, đi ngang, bị kẹp giữa hai ngưỡng hỗ trợ 1.480 điểm (SMA20-50) và kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.490 – 1.450

Ngưỡng kháng cự: 1.510 – 1.530

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn